

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày 06-01-2023

V/v tranh chấp xin ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 458/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “ Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 350/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà N, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện S, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N: Bà T – Luật sư Văn phòng Luật sư P thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang;

Bị đơn: Ông K, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện S, tỉnh An Giang.

(Bà N, bà T có mặt; ông K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-10-2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà T và nguyên đơn bà N trình bày:**

Bà N và ông K tự tìm hiểu quen nhau và chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh An Giang vào năm 2007. Thời gian đầu bà và ông K chung sống rất hạnh phúc đến năm 2021 thì

phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K không quan tâm chăm sóc bà và con, thường xuyên ngược đãi, xúc phạm danh dự uy tín của bà; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ ngày 15-3-2021 bà và ông K đã sống ly thân cho đến nay; hiện bà đang sống tại gia đình cha mẹ ruột. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà và ông K có 01 con chung tên A, sinh ngày 17-6-2001. Hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà và ông K sẽ giải quyết trong vụ án khác, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông K: Ông K đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện S, ông K đã biết được yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N, nhưng ông K không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà N.

Tòa án nhân dân huyện S đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập ông K tham gia phiên họp hai lần hợp lệ, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

Tại phiên tòa, bà N, bà T có mặt; ông K vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án ly hôn; bị đơn là ông K cư trú tại huyện S, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông K đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Xét quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà N và ông K là hôn nhân hợp pháp, ông bà chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13-12-2007. Thời gian đầu, bà và ông K chung sống rất hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do ông K không quan tâm chăm sóc bà và con, thường xuyên ngược đãi, xúc phạm danh dự uy tín của bà; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ ngày 15-3-2021 bà và ông K đã sống ly thân cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông K. Xét thấy, hôn nhân giữa bà N và ông K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà và ông K có 01 con chung tên A, sinh ngày 17-6-2001. Hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động được, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà N trình bày, bà và ông K sẽ giải quyết trong vụ án dân sự khác, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH 14 của Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều: 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà N được ly hôn với ông K.

2. Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 011262 ngày 21-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh An Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3. Bà N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã T;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Bé Thi